TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 02 - 2024.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Võ Thị Điệp**

2. Ông **Phan Quốc Tiến**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 27/02/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 644/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đinh Thị M, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Văn V, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; A V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2023, chị Đinh Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh Lê Văn V kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày

04/10/2022, cuộc hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng sống chung có hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Từ lúc mới sinh con được 02 tháng, anh V đánh đập và chửi chị M rất nhiều lần. Chị M nhiều lần nhìn nhục vì mục đích xây dựng gia đình, chăm sóc con cái nhưng đến nay anh V vẫn không thay đổi. Từ tháng 09/2023, chị M và anh V đã sống ly thân. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn với nhau được nữa. Nay chị M yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 26/5/2023, hiện con chung đang sống cùng với anh V. Khi ly hôn, chị M đồng ý giao con chung cho anh V nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại phiên tòa anh Lê Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Anh V thừa nhận thời gian chung sống với nhau, cũng như việc vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị M trình bày. Anh V thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nay anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đinh Thị M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 26/5/2023, hiện con chung đang sống cùng với anh V. Khi ly hôn, anh V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Giấy khai sinh Lê Thị Ngọc N (bản sao);

- Tríc lục kết hôn (bản sao);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị M về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn V, nên Hội đồng xét xử xác

định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"*.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã P, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị Đinh Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đinh Thị M.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Chị M và anh V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/10/2022 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị M yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc và hiện nay vợ chồng không còn sống chung. Đồng thời, tại phiên tòa anh V cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị M. Hai bên không xây dựng được hạnh phúc, tình cảm không hàn gắn được và không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ những phân tích nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị M và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 26/5/2023, hiện đang sống cùng với anh V. Khi ly hôn, chị M đồng ý giao con chung cho anh V nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh V có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc chị M tự nguyện giao cháu N cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh V cho rằng hiện nay con chung đang sống với anh V phát triển và được chăm sóc tốt. Thu nhập của anh V đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị M không cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M.

Chị Đinh Thị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh V trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị M phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai số 0001024 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị M.

- Về hôn nhân: Chị Đinh Thị M được ly hôn với anh Lê Văn V.

- Về con chung: Anh Lê Văn V được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 26/5/2023. Chị Đinh Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh V không có yêu cầu. Chị Đinh Thị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị M phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai số 0001024 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh